

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHỮNG GỢI Ý CHO MIỀN TRUNG

Nguyễn Chiến Thắng *

Lý Hoàng Mai **

Tóm tắt: Bài viết nêu lên một số quan điểm về phát triển bền vững, phân tích khung chính sách liên quan đến phát triển bền vững ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng phát triển bền vững ở miền Trung qua góc nhìn biến đổi khí hậu gồm: tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn. Từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển bền vững ở miền Trung.

Từ khóa: Phát triển bền vững, chính sách phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, miền Trung.

Abstract: The research paper gives some perspectives on sustainable development, analyzes the policy framework related to sustainable development in Vietnam. The paper also assesses the situation of sustainable development in the Central region through the view of climate changes including: drought and saline intrusion. From there, the paper proposes some suggestions to promote sustainable development in the Central region.

Keywords: Sustainable development, policies for sustainable development, climate change, Central.

1. Mở đầu

Sau hơn 30 năm tiến hành đổi mới kinh tế, Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ kinh tế. Từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình thấp. Song, hiện nay biến đổi khí hậu đã làm giảm tính bền vững trong tăng trưởng của Việt Nam. Biến đổi khí hậu gia tăng ở đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung gây ra những hệ lụy xấu đối với sản xuất nông nghiệp,... Thịnh vượng về kinh tế cần đi đôi với bền vững về môi

trường và nâng cao tính hiệu quả của việc thực thi các chính sách. Do vậy, phát triển bền vững là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam nói chung và miền Trung nói riêng.

Nghiên cứu này đưa ra một số quan điểm về phát triển bền vững, phân tích các chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam, đánh giá thực trạng phát triển bền vững ở miền Trung qua góc nhìn biến đổi khí hậu và đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển bền vững ở miền Trung.

* Viện Nghiên cứu Châu Âu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Kinh tế Việt Nam thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

2. Một số quan điểm về phát triển bền vững

a) Phát triển bền vững

Thuật ngữ “phát triển bền vững” xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm *Chiến lược bảo tồn thế giới* (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên quốc tế - IUCN) với quan điểm: “Sự phát triển của nhân loại không nên chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế, mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái” (IUCN, 1980). Năm 1987, trong Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” của Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển - WCED (nay là Ủy ban Brundtland), thì phát triển bền vững là: “Sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại, không làm tổn thương khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”, coi trọng sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm môi trường sống cho con người. Quan điểm trên được tái khẳng định ở Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về môi trường và phát triển được tổ chức ở Rio-de-Janeiro, Brazil năm 1992.

Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đã bổ sung, hoàn chỉnh nội hàm về phát triển bền vững, coi phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng

môi trường, phòng chống cháy và chặt phá rừng, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Theo quan điểm của Ngân hàng Thế giới - WB (2006), bản chất của phát triển bền vững là liên kết các hoạt động phát triển thành một hệ thống sao cho đạt được sự cân đối, hài hòa một cách lâu dài cho các thế hệ mai sau.

David A. Munro (1995) coi bền vững phải là tiêu chuẩn chính để đánh giá sự phát triển. Theo ông, phát triển bền vững trên thực tế phải bao gồm bền vững hệ sinh thái (sức khỏe hệ sinh thái), bền vững xã hội (truyền thống và hiện tại) và bền vững kinh tế (lợi ích và chi phí). Ông cho rằng, bền vững không phải là mục tiêu mà là một tiêu chuẩn đối với quan điểm và hành động. Đó là một quá trình tiếp diễn có tính lặp đi lặp lại. Rogall G. (2009) quan niệm phát triển bền vững là luôn giữ được sự kết hợp cân đối, hài hòa trên cả ba trụ cột phát triển: về kinh tế, về xã hội và về sinh thái/tài nguyên, môi trường.

Như vậy, cách tiếp cận phát triển bền vững phổ biến nhất là tiếp cận liên ngành, đa lĩnh vực, tiếp cận tích hợp, tiếp cận công bằng giữa các thế hệ và gần đây, cùng với định hướng xanh hóa phát triển, là tiếp cận dựa vào hệ sinh thái.

b) Khung chính sách liên quan đến phát triển bền vững ở Việt Nam

Phát triển bền vững ở các quốc gia, các khu vực, các lãnh thổ đều được xem xét dựa trên ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường.

- Với trụ cột kinh tế: sử dụng hiệu quả các nguồn lực có hạn và đặc hữu (tự nhiên, nhân tạo và con người). Nó đòi

hỏi đáp ứng các nhu cầu và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người với cách phân bổ nguồn lực hiệu quả nhất.

- *Với trụ cột xã hội*: đáp ứng mọi nhu cầu cơ bản, như an ninh, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trên cơ sở các nguồn lực hiện có; tôn trọng các khác biệt và đa dạng về dân tộc, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và thúc đẩy sự tích lũy vốn xã hội; đảm bảo sự công bằng cho mọi cá nhân tiếp cận với các nguồn lực và đáp ứng được quyền con người, đặc biệt là về chính trị và dân sự.

- *Với trụ cột môi trường*: duy trì các nguồn lực tự nhiên và tôn trọng các quy tắc tự nhiên, bảo vệ nguồn vốn tự nhiên thiết yếu, bao gồm cả hệ sinh thái và sự đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển môi trường vật lý - sinh học (Thierstein and Walser, 1999).

Một số học giả cho rằng, để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững nói chung và các quốc gia, các khu vực, các lãnh thổ nói riêng, cần có sự đồng thuận và thiết lập một cơ chế với sự tham gia của nhiều bên nhằm đảm bảo sự cân bằng lợi ích đa phương của Nhà nước, thị trường và xã hội dân sự. Như thế, có 4 nhân tố tạo nên sự phát triển bền vững là *môi trường, kinh tế, xã hội và thể chế*, trong đó, thể chế được coi là nhân tố tạo nên môi trường nghị sự, hợp tác để dẫn đến đồng thuận cho sự phát triển bền vững, là như chất keo kết dính mối quan hệ giữa ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

Là một quốc gia thành viên của UNDP, Việt Nam luôn tích cực tham gia vào tiến trình thực hiện phát triển bền vững trên thế giới và mục tiêu phát triển bền vững luôn được thể hiện trong

các chủ trương đường lối của Đảng và các chính sách của Nhà nước. Có nhiều chủ trương, đường lối của Đảng gắn với phát triển bền vững. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) đã đề cập đến quan điểm phát triển bền vững dựa trên ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường: “Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người”, “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục,... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người” và “Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn... Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển” [6, tr 76 – 77, 178 – 179].

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH coi: “Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ” [7, tr 75].

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 cho rằng, phát triển nhanh và bền vững phải luôn song hành, gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội: “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu... Phát triển

nhau và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội” [2].

Để thực hiện các quan điểm, đạt được mục tiêu phát triển bền vững nêu trên, đã có nhiều khung chính sách được ban hành và thực thi.

Năm 2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg về định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam). Chương trình đưa ra 8 nguyên tắc chính, trong đó, nguyên tắc coi con người là trung tâm của phát triển bền vững được đặt ra đầu tiên. Các lĩnh vực hoạt động ưu tiên của Chương trình về kinh tế gồm:

- Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định trên cơ sở nâng cao không ngừng tính hiệu quả, hàm lượng khoa học - công nghệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường;

- Thay đổi mô hình và công nghệ sản xuất, mô hình tiêu dùng theo hướng sạch hơn và thân thiện với môi trường, dựa trên cơ sở sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên không tái tạo, giảm tối đa chất thải độc hại và khó phân hủy, duy trì lối sống của cá nhân và xã hội hài hòa, gần gũi với thiên nhiên;

- Thực hiện quá trình “công nghiệp hóa sạch”, nghĩa là ngay từ ban đầu phải quy hoạch sự phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp, xây dựng nền “công nghiệp xanh”;

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững; trong khi phát triển sản

xuất ngày càng nhiều hàng hóa theo yêu cầu của thị trường, phải bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo tồn và phát triển được các nguồn tài nguyên đất, nước, không khí, rừng và đa dạng sinh học;

- Phát triển bền vững vùng và xây dựng các cộng đồng địa phương phát triển bền vững [15].

Tiếp theo, Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 được ban hành, đề ra các chỉ tiêu giám sát và đánh giá sự phát triển bền vững Việt Nam gồm các chỉ tiêu tổng hợp, các chỉ tiêu về kinh tế, về xã hội, về tài nguyên và môi trường. Các định hướng về kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường cũng được xác định là định hướng ưu tiên nhằm phát triển bền vững của giai đoạn này. Định hướng về kinh tế tập trung vào 3 nhóm vấn đề: Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Phát triển bền vững các vùng và địa phương, ưu tiên phát triển trước các vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng bứt phá và dẫn dắt sự phát triển, đồng thời chú ý tới việc hỗ trợ các vùng kém phát triển và có điều kiện khó khăn hơn, nhằm tạo ra một sự cân đối nhất định trong phát triển không gian, từng bước thu hẹp khoảng cách về xã hội và tiến tới giảm bớt sự chênh lệch về kinh tế giữa các vùng và địa phương [3].

Quyết định số 622/2017/QĐ-TTg (2017) ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự

2030 vì sự phát triển bền vững. Quyết định đề ra 17 mục tiêu lớn và 115 mục tiêu cụ thể, cũng như cách thức tổ chức thực hiện phát triển bền vững của Việt Nam đến 2030. Trong đó, phát triển bền vững vùng và địa phương được xác định như sau: “Xây dựng các chương trình phát triển bền vững của vùng và địa phương. Trên cơ sở phân tích các tiềm năng tự nhiên, nguồn nhân lực, các lợi thế so sánh và những khó khăn đối với sự phát triển, phân tích thực trạng phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, chương trình phát triển bền vững địa phương sẽ xác định mục tiêu, phương hướng, nội dung phát triển các ngành, vùng lãnh thổ theo quan điểm phát triển bền vững; đề ra hệ thống các biện pháp để thực hiện các mục tiêu, nội dung và định hướng phát triển kinh tế-xã hội, trong đó có các giải pháp chính sách liên quan tới việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường [15].

Những nội dung liên quan đến phát triển bền vững đã được Chính phủ lồng ghép xuyên suốt trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030.

Năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và ban hành Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu này, hàng năm trình Chính phủ, Quốc hội xem xét. Nhiều mục tiêu phát triển bền vững đã và đang được thực hiện lồng ghép trong hệ thống chính sách phát triển quốc gia, từ các văn

bản pháp luật cho đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chương trình hành động của các bộ ngành và địa phương.

3. Thực trạng phát triển bền vững ở miền Trung và một số khuyến nghị

Miền Trung trải dài từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, gắn kết 14 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, kết nối hai miền Nam - Bắc của Tổ quốc. Với 1.900km bờ biển, chiếm gần 60% chiều dài bờ biển của cả nước, Miền Trung có 9 sân bay, 14 nhóm cảng biển nước sâu, là những lợi thế đặc thù để phát triển kinh tế vùng, đặc biệt là kinh tế biển. Tăng trưởng GRDP bình quân của Miền Trung giai đoạn 2016-2018 đạt 7,62%, tỷ trọng đóng góp vào GDP của cả nước năm 2018 đạt 19,28%.

Mặc dù có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, nhất là kinh tế biển, nhưng vùng kinh tế trọng điểm của Miền Trung hiện chưa thể hiện được vai trò hạt nhân tăng trưởng, đầu tàu dẫn dắt kinh tế toàn miền. GRDP vùng kinh tế trọng điểm năm 2018 chỉ đạt 6,93% GDP của cả nước; tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 7,3%/năm thời kỳ 2016-2018, đứng thứ 3 trong 6 vùng kinh tế của cả nước, thấp hơn bình quân miền (7,62%). Riêng 6 tháng đầu năm 2020 vùng kinh tế trọng điểm ở đây tăng trưởng âm 3,22% [19].

Hiện nay, tăng trưởng kinh tế của Miền Trung đang gặp phải những thách thức trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng và phát triển bền vững. Một trong những nguyên nhân của những rào cản nói trên là phát triển chưa bền vững về môi trường. Biến đổi khí hậu đã làm cho hạn

hán và xâm nhập mặn ở Miền Trung tăng cao, tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân.

Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong năm 2019, hạn hán đã khiến cho mực nước ở một số lưu vực sông ở Miền Trung xuống thấp nhất trong lịch sử, mực nước các hồ chứa xuống dưới mức nước chết. Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn trung bình nhiều năm từ 35-60%, có một số sông hụt trên 70%, như sông Mã (Thanh Hóa), sông Cả (Nghệ An), sông Vu Gia (Quảng Nam), sông Ba (Phú Yên). Hạn hán và xâm nhập mặn đã diễn ra tại các tỉnh từ Nghệ An đến Khánh Hòa, đặc biệt là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Ở hạ lưu một số sông đã xuất hiện độ mặn cao nhất theo chuỗi số liệu quan trắc [1].

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Bình Thuận đã phải cắt giảm gần 15.000 ha đất sản xuất nông nghiệp; trên 25.000 hộ dân với gần 93.000 khẩu bị thiếu nước sinh hoạt [18]. Vụ Đông Xuân 2019-2020, toàn tỉnh Ninh Thuận phải dừng sản xuất 7.873 ha, trong đó có hơn 4.556 ha lúa và 3.317ha màu; diện tích bị thiệt hại hơn 204 ha. Trong vụ hè - thu, diện tích đất nông nghiệp của Ninh Thuận dừng sản xuất do thiếu nước tưới lên tới 15.360 ha, trong đó có 10.837 ha lúa và 4.523 ha màu [4]. Tại Phú Yên, 6.000 ha đất sản xuất nông nghiệp bị hạn và hơn 10.000 hộ dân thiếu nước sinh hoạt...[15].

Để giải quyết rào cản phát triển bền vững ở Miền Trung, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 27/2019/CT-TTg về các giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững, trong đó, yêu cầu: “Chủ động

ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, nhất là nước biển dâng và xâm nhập mặn” [9].

Bước sang năm 2020, tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn ở Miền Trung vẫn tiếp diễn theo chiều hướng tăng lên; lượng mưa thấp hơn từ 20-90% so với mức trung bình nhiều năm trước; lượng dòng chảy ở một số sông thiếu hụt trên 70% và có những sông đã xuất hiện mực nước thấp nhất.

Trước thực tiễn trên, năm 2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 601/2020/CD-TTg về việc tập trung ứng phó với nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn tại khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên, chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các nhà máy thủy điện và các địa phương thống nhất kế hoạch điều tiết nước các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên từng lưu vực sông để bổ sung nước cho hạ du, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh [17].

Xét về tầm vĩ mô, các chính sách chỉ đạo liên quan đến phát triển bền vững ở Miền Trung được ban hành tương đối kịp thời. Tuy nhiên, ở tầm vi mô, các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu của Miền Trung còn có nhiều lỗ hổng. Miền Trung chưa có chính sách ứng phó đặc thù, còn bị động, mang tính đơn lẻ và ngắn hạn, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp, nhất là sự phối hợp tham gia của cộng đồng. Để công tác ứng phó với biến đổi khí hậu đạt hiệu quả, thực hiện tốt các mục tiêu phát triển bền vững, Miền Trung cần chú trọng các vấn đề sau trong việc ban hành và thực thi chính sách:

Một là, cần xây dựng chính sách liên kết vùng để ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng đến mục tiêu chia sẻ những rủi ro, cảnh báo sớm và hợp tác để vượt qua những tác động xấu do biến đổi khí hậu mang lại.

Hai là, lập quy hoạch phát triển bền vững vùng, tỉnh, thành phố ở Miền Trung nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ba là, xây dựng nhóm giải pháp phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, gắn với việc xây dựng tầm nhìn, kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu trong kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm.

Bốn là, thiết lập thể chế lồng ghép các kế hoạch phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong mỗi hợp phần của kế hoạch cần xây dựng những kế hoạch cụ thể để huy động sự tham gia của các cấp, các ngành và người dân.

Năm là, xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho cán bộ địa phương và người dân, đặc biệt là các hộ nghèo, để họ sẵn sàng chuẩn bị, biết cách xây dựng kế hoạch và

lồng ghép quản lý rủi ro trong các hoạt động sản xuất của mình, nhất là sản xuất nông nghiệp.

Sáu là, dành nguồn kinh phí của địa phương để nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm tìm ra các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu.

Bảy là, có các chương trình hỗ trợ đào tạo, tạo việc làm cho những người lao động thuộc nhóm yếu thế, chuyển từ các hoạt động nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

4. Kết luận

Miền Trung là vùng có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên mang tính đặc thù cao. Để phát triển bền vững về kinh tế và môi trường, Miền Trung cần có những chính sách đặc thù. Nếu Miền Trung tạo ra được thể chế phát triển bền vững, đảm bảo được yêu cầu phát triển hài hòa về kinh tế, xã hội và môi trường, hi vọng trong tương lai sẽ thể hiện được vai trò là hạt nhân tăng trưởng, vươn lên thành vùng kinh tế đứng đầu trong 6 vùng kinh tế của cả nước./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 76-77, 178-179.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr 75.
3. Cổng thông tin điện tử Chính phủ. *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020*, <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/noidungvankiendaihoi dang?categoryId=10000716&articleId=10038368>
4. Cổng thông tin điện tử Chính phủ. *Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020* http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&mode=detail&document_id=157753

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Khí tượng thủy văn. *Báo cáo số 933/2019/BC-TCKTTV về tình hình hạn hán và xâm nhập mặn tại Trung Bộ năm 2019, nguy cơ hạn hán và thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2019-2020*. Tr 1.
6. IUCN (1980). *World Conservation Strategy- Living Resource Conservation for Sustainable Development*. IUCN, Gland, Switzerland.
7. Munro David A. (1995), *Sustainability: Rhetoric or Reality?*. In *A Sustainable World*, edited by Thaddeus C. Trzyna, with the assistance of Julia K. Osborn. California: International Center for the Environment and Public Policy.
8. Rogall G (2009). *Kinh tế học bền vững - Lý thuyết kinh tế và thực tế của Phát triển bền vững*. Bản dịch tiếng Việt từ nguyên bản tiếng Đức. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2011, tr. 45-50.
9. Thư viện pháp luật-<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-153-2004-QD-TTg-Dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-ben-vung-Viet-Nam-Chuong-trinh-nghi-su-21-Viet-Nam-52318.aspx>
10. Thư viện pháp luật-<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/Quyet-dinh-622-QD-TTg-2017-Ke-hoach-hanh-dong-quoc-gia-thuc-hien-Chuong-trinh-nghi-su-2030-348831.aspx>
11. Thư viện pháp luật-<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/Chi-thi-27-CT-TTg-2019-giai-phap-thuc-day-tang-truong-va-phat-trien-ben-vung-Vung-mien-Trung-428842.aspx>
12. Thư viện pháp luật-<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Cong-dien-601-CD-TTg-2020-tap-trung-ung-pho-voi-nang-nong-han-han-va-xam-nhap-man-tai-Trung-Bo-443225.aspx>
13. UN (1992). *United Nations Conference on Environment and Development*. Rio de Janeiro, Brazil.
14. UN (2002). *Report of the World Summit on Sustainable Development*. Johannesburg, South Africa.
15. Vũ Long, Bảo Trung (2020). *Hạn hán khốc liệt ở miền Trung: Cần giải pháp thay vì “chữa cháy” manh mún*, <https://laodong.vn/xa-hoi/han-han-khoc-liet-o-mien-trung-can-giai-phap-thay-vi-chua-chay-manh-mun-805183.ldo>
16. Vũ Lê (2020). *Không để địa phương nào ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên tăng trưởng âm*, <https://congthuong.vn/khong-de-dia-phuong-nao-o-khu-vuc-mien-trung-tay-nguyen-tang-truong-am-140589.html>
17. WCED (1987). *Our Common Future*. Oxford: Oxford University Press.
18. World Bank (2006). *World Development Report 2006-Equity and Development*, <http://documents.worldbank.org/curated/en/435331468127174418/pdf/322040World0Development0Report02006.pdf>

Ngày nhận bài: **05/01/2021**

Ngày phản biện: **18/11/2021**

Ngày duyệt đăng: **30/11/2021**